

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 17 tháng 02 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 167/2018/TLST– DS ngày 02 tháng 7 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Đồng nguyên đơn: Trần Thị T, Đoàn Văn Đ, Đào Ngọc V, Đào Thị S, Đào Ngọc C, Đào Ngọc M, Đào Ngọc G, Đào Thị Kim N, Đào Thị T, Đào Thị Kim C

Cùng địa chỉ: ấp P, xã Đông T, huyện C, tỉnh H.

Người đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn: chị Đào Thị T, sinh năm: 1982; địa chỉ: ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đồng nguyên đơn: Luật sư Trần Thanh P - Văn phòng Luật sư Trần Thanh P, thuộc đoàn Luật sư thành phố C

Bị đơn: bà Đào Thị T, sinh năm 1955; Địa chỉ: ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh H.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: ông Đào Ngọc T, sinh năm 1950; Địa chỉ: ấp P, xã Đông T, huyện C, tỉnh H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: ông Phan Long H – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh H.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Công nhận phần đất có diện tích 19,9 m² đất trồng cây lâu năm (ký hiệu số I trên mảnh trích đo địa chính số 58-2019) tại thửa 338, tờ bản đồ số 07, đất tọa lạc ấp

P, xã Đ, huyện C, tỉnh H. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000276 ngày 13/6/1997 cho Hộ ông Đào Ngọc T thuộc quyền sử dụng hợp pháp của Hộ ông Đào Ngọc T là đồng nguyên đơn.

Công nhận phần đất có diện tích 125,6 m² đất ở nông thôn (ký hiệu số II trên mảnh trích đo địa chính số 58-2019) tại thửa 339, tờ bản đồ số 07, đất tọa lạc ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh H. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000276 ngày 13/6/1997 cho Hộ ông Đào Ngọc T thuộc quyền sử dụng hợp pháp của Hộ ông Đào Ngọc T là đồng nguyên đơn.

Công nhận phần đất có diện tích 381 m² đất trồng cây lâu năm (ký hiệu số III trên mảnh trích đo địa chính số 58-2019) tại thửa 338, tờ bản đồ số 07, đất tọa lạc ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh H. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000276 ngày 13/6/1997 cho Hộ ông Đào Ngọc T thuộc quyền sử dụng hợp pháp của Hộ ông Đào Ngọc T là đồng nguyên đơn.

Công nhận phần đất có diện tích 47,6 m² đất trồng cây lâu năm (ký hiệu số IV trên mảnh trích đo địa chính số 58-2019) tại thửa 338, tờ bản đồ số 07, đất tọa lạc ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh H. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000276 ngày 13/6/1997 cho Hộ ông Đào Ngọc T thuộc quyền sử dụng hợp pháp của Hộ ông Đào Ngọc T là đồng nguyên đơn.

Công nhận phần đất có diện tích 52,6 m² đất ở nông thôn (ký hiệu số V trên mảnh trích đo địa chính số 58-2019) tại thửa 339, tờ bản đồ số 07, đất tọa lạc ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh H. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000276 ngày 13/6/1997 cho Hộ ông Đào Ngọc T thuộc quyền sử dụng hợp pháp của Hộ ông Đào Ngọc T là đồng nguyên đơn.

Công nhận phần đất có diện tích 15,8 m² đất trồng cây lâu năm (ký hiệu số VI trên mảnh trích đo địa chính số 58-2019) tại thửa 338, tờ bản đồ số 07, đất tọa lạc ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh H. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000276 ngày 13/6/1997 cho Hộ ông Đào Ngọc T thuộc quyền sử dụng hợp pháp của Hộ ông Đào Ngọc T là đồng nguyên đơn.

Buộc bà Đào Thị T phải giao lại phần đất tranh chấp có các ký hiệu I, II, III, IV, V, VI với tổng diện tích đo đạc thực tế 642,5 m² gồm đất trồng cây lâu năm và đất ở nông thôn; tại thửa 338, 339; tờ bản đồ 07, đất tọa lạc ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh H cho đồng nguyên đơn: Trần Thị T, Đoàn Văn Đ, Đào Ngọc V, Đào Thị S, Đào Ngọc C, Đào Ngọc M, Đào Ngọc G, Đào Thị Kim N, Đào Thị T, Đào Thị Kim C

(Có mảnh trích đo địa chính số 58-2019 kèm theo).

Buộc bà Đào Thị T phải di dời toàn bộ cây trồng và vật kiến trúc (căn nhà) trên đất nêu trên để chuyển giao đất cho đồng nguyên đơn là: Trần Thị T, Đoàn Văn Đ, Đào Ngọc V, Đào Thị S, Đào Ngọc C, Đào Ngọc M, Đào Ngọc G, Đào Thị Kim N, Đào Thị T, Đào Thị Kim C.

Trong hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật nếu bà Đào Thị T không di dời, hoặc di dời không hết toàn bộ cây trồng và vật kiến trúc trên đất

nêu trên thì đồng nguyên đơn có toàn quyền định đoạt đối với cây trồng và vật kiến trúc trên đất hoặc còn lại trên đất.

Buộc đồng nguyên đơn là: Trần Thị T, Đoàn Văn Đ, Đào Ngọc V, Đào Thị S, Đào Ngọc C, Đào Ngọc M, Đào Ngọc G, Đào Thị Kim N, Đào Thị T, Đào Thị Kim C có trách nhiệm bồi thường hỗ trợ di dời cho bà Đào Thị T số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Thời gian giao tiền: Do Chi cục Thi hành án dân sự quyết định theo quy định của pháp luật.

Chi phí thẩm định, định giá tài sản: 4.707.745 đồng, nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ. Nguyên đơn đã nộp đủ để chi cho Hội đồng xem xét, thẩm định và định giá tài sản xong.

Án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng, nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ. Khấu trừ 875.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0014319 ngày 02/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Nguyên đơn còn được nhận lại 575.000 đồng.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKS H. Châu Thành;
- THA H. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phạm Tiến Dũng